

PHÂN LOẠI HỆ THỐNG QUỐC TẾ TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HOÀNG KHẮC NAM*

Hệ thống quốc tế là tổng hợp các chủ thể quan hệ quốc tế (QHQT) và sự tương tác lẫn nhau giữa chúng được cơ cấu theo những luật lệ và mẫu hình nhất định. Hệ thống quốc tế là một quan niệm lý luận được xây dựng dựa trên lý thuyết hệ thống. Xuất phát từ Lý thuyết hệ thống chung (*General Systems Theory*) của học giả người Áo Ludwig von Bertalanffi, cách tiếp cận và phân tích hệ thống được áp dụng trong khoa học xã hội từ những năm 1950-1960, trong đó có lịch sử QHQT. Một số học giả nổi tiếng như Morton Kaplan, Rosecrance, Kenneth Waltz, Gilpin, Joseph Nye... là những ví dụ của việc phát triển lý thuyết hệ thống trong lĩnh vực nghiên cứu này. Hiện nay, lý luận hệ thống quốc tế đã được áp dụng khá rộng rãi trong nghiên cứu QHQT nói chung, lịch sử QHQT nói riêng.

Trong nghiên cứu QHQT, thuật ngữ "hệ thống quốc tế" được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Nghĩa đầu tiên là để chỉ một phương pháp nghiên cứu hay rộng hơn là một cấp độ nghiên cứu. Nghĩa thứ hai là để mô tả hệ thống các quốc gia hay rộng hơn là hệ thống các chủ thể QHQT xuất phát từ cách tiếp cận hệ thống. Cả hai nghĩa này đều khiến hệ thống quốc tế có thể được áp dụng trong nghiên cứu lịch sử QHQT. Với ý nghĩa là phương pháp, hệ thống quốc tế được sử dụng như công cụ để phát hiện và

phân tích các yếu tố liên quan đến sự vận động QHQT trong lịch sử. Với ý nghĩa phản ánh thực tiễn gắn kết giữa các quốc gia, hệ thống quốc tế chính là sự thể hiện quá trình phát triển của QHQT theo thời gian.

Tuy nhiên, việc áp dụng này lại tương đối khác nhau do dựa trên những cách phân loại hệ thống quốc tế khác nhau. Sự phân loại khác nhau xuất phát từ cách tiếp cận khác nhau với những tiêu chí khác nhau. Sự phân loại khác nhau là điều bình thường bởi tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu khác nhau. Mỗi cách phân loại đều có những ưu điểm riêng khi hướng tới làm rõ sự vận động của yếu tố nào đó trong hệ thống quốc tế. Vì thế, việc tìm hiểu các cách phân loại khác nhau sẽ giúp đem thêm sự đa dạng và linh hoạt trong nghiên cứu QHQT và lịch sử.

Xuất phát từ lý do đó, bài viết này nhằm giới thiệu một số cách phân loại hệ thống quốc tế chủ yếu mà có thể vận dụng được vào trong nghiên cứu lịch sử QHQT. Các cách phân loại này dựa trên những tiêu chí khác nhau như đặc điểm không gian địa lý, lĩnh vực tương tác, trạng thái và tính chất, cơ cấu phân bố quyền lực của hệ thống quốc tế,...

1. Dựa trên đặc điểm không gian địa lý

Theo cách phân loại này, hệ thống quốc tế được phân chia làm hai loại: Hệ thống quốc tế toàn cầu (hay còn gọi là hệ thống toàn cầu, hệ

*PGS.TS. Khoa Quốc tế học - Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG HN

thống thế giới) và hệ thống quốc tế khu vực (hay còn gọi là hệ thống khu vực).

Hệ thống toàn cầu là để chỉ hệ thống quốc tế có quy mô không gian địa lý khắp thế giới hoặc gần khắp thế giới. Hệ thống toàn cầu chỉ xuất hiện khi QHQT đã phát triển đạt tới quy mô toàn cầu, khi sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các chủ thể QHQT cũng diễn ra khắp thế giới. Trong lịch sử QHQT, chỉ có hai hệ thống quốc tế được coi là hệ thống toàn cầu. Đó là hệ thống quốc tế thời kỳ 1945-1991 và hệ thống quốc tế sau Chiến tranh lạnh hiện nay.

Hệ thống khu vực để chỉ hệ thống quốc tế có quy mô không gian trong một khu vực địa lý nào đó của thế giới. Theo định nghĩa của Braillard Ph. và Djalili M.R., hệ thống khu vực là “tổng hợp các tương tác đặc trưng trên cơ sở sự phụ thuộc vào địa lý” (1). Nếu dựa trên khái niệm hệ thống quốc tế như đã trình bày ở trên thì hệ thống khu vực có thể được hiểu là “tổng hợp các chủ thể QHQT gắn bó trong cùng một khu vực địa lý và những tương tác đặc trưng của chúng”. Trong thực tiễn lịch sử, hệ thống khu vực xuất hiện trước hệ thống toàn cầu khi QHQT mới chỉ phát triển trên quy mô khu vực. Nhưng khi hệ thống quốc tế toàn cầu hình thành, hệ thống khu vực vẫn tiếp tục tồn tại và trở thành những tiểu hệ thống bên trong hệ thống đó, tức là một dạng phân tử của hệ thống quốc tế toàn cầu.

Trên cơ sở đó mà người ta có thể chia thế giới thành các hệ thống khu vực như châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á... Các hệ thống khu vực này cũng được chia tiếp thành các tiểu hệ thống khu vực nhỏ hơn như Tây Âu và Đông Âu ở châu Âu; Bắc Mỹ, Mỹ Latinh ở châu Mỹ; Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Á, Trung Cận Đông ở châu Á; Bắc Phi, Trung Phi, Nam châu Phi ở châu Phi... Thậm chí, các tiểu hệ thống khu vực này còn được chia nhỏ tiếp nữa như Đông Nam Á hải

đảo và Đông Nam Á lục địa, như Benelux của Tây Âu và Balkan của Đông Âu...

Tuy cũng là một phân tử của hệ thống quốc tế toàn cầu, song hệ thống khu vực thường là một hệ thống khá chặt do có nhiều mối tương tác lâu đời, sâu sắc và phong phú hơn so với hệ thống quốc tế toàn cầu. Đối với các hệ thống khu vực chặt chẽ, hệ thống toàn cầu nhiều khi lại đóng vai trò như môi trường bên ngoài của hệ thống khu vực. Trong hệ thống khu vực này, các phân tử thường chịu tác động từ hệ thống khu vực nhiều hơn là hệ thống toàn cầu bởi khu vực là môi trường trực tiếp. Nhìn chung hiện nay, hệ thống khu vực vẫn tồn tại mạnh mẽ trong hệ thống toàn cầu và thường mang theo mình những đặc trưng riêng cả về chính thể lẫn tương tác giữa các phân tử của hệ thống.

Cũng dựa trên yếu tố địa lý, có người phân chia kết hợp với yếu tố chính trị thành Đông và Tây như trong Chiến tranh lạnh (ý thức hệ, chế độ chính trị, chiến lược an ninh...), kết hợp với yếu tố kinh tế thành Bắc và Nam như hiện nay (mức độ giàu nghèo, trình độ phát triển kinh tế...) (2). Mặc dù các thuật ngữ này được sử dụng khá phổ biến nhưng Bắc, Nam, Đông, Tây không hoàn toàn là những hệ thống. Xét theo quan điểm của chủ nghĩa khu vực, đó không phải là các khu vực mà chỉ là tập hợp những phân tử có cùng những đặc điểm chung về chính trị hay kinh tế và dùng thuật ngữ địa lý để mô tả ước lệ mà thôi.

Ưu điểm của cách phân loại này là giúp thấy được quá trình mở rộng của QHQT trong lịch sử và hiện tại. Nó cũng giúp tìm hiểu thêm các xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và mối tương tác giữa chúng. Ngoài ra, cách phân loại này cũng giúp thấy các tác động từ cả toàn cầu và khu vực tới sự vận động của QHQT.

Nhược điểm của cách phân chia khu vực này là ở ba điểm. *Thứ nhất*, khu vực địa lý được hình thành không chỉ từ sự gần kề về địa lý mà còn phụ thuộc vào ba yếu tố nữa là tương đồng về văn hóa xã hội, tương tác về chính trị và tương tác kinh tế (3). Vì thế, việc phân loại chỉ dựa thuần túy vào tiêu chí không gian địa lý không phản ánh được tính chỉnh thể và lĩnh vực tương tác đa dạng của hệ thống khu vực. *Thứ hai*, sự phân chia dựa theo yếu tố địa lý như trên cũng không phản ánh chính xác mức độ tương tác giữa các phần tử vốn là cơ sở hình thành nên hệ thống. Ví dụ, châu Á không hẳn là một hệ thống bởi sự tương tác giữa Đông Nam Á và Tây Á là khá yếu, Đông Nam Á là một hệ thống rõ ràng song thực tế các tương tác kinh tế với bên ngoài lại mạnh hơn trong hệ thống... *Thứ ba*, cách phân chia này bị chi phối bởi sự phân chia địa lý truyền thống nên đang gặp khó khăn trong việc giải thích hiện tượng xuất hiện nhiều hệ thống khu vực không nằm trong khuôn khổ địa lý như quan niệm trước kia. Ví dụ, châu Á-Thái Bình Dương có được coi là hệ thống khu vực không khi có nhiều yếu tố của hệ thống nhưng lại hơi khó xác định khuôn khổ địa lý của nó.

2. Dựa trên lĩnh vực tương tác

Trong nghiên cứu QHQT, đôi khi hệ thống quốc tế được phân loại theo lĩnh vực hoạt động nào đó của hệ thống. Đó cũng là lĩnh vực tập trung sự tương tác giữa các phần tử. Đó cũng là nơi diễn ra hoạt động chức năng chủ yếu của hệ thống quốc tế, tức là phản ứng của hệ thống đối với các phần tử cũng diễn ra chủ yếu trong lĩnh vực này. Vì thế, các hệ thống quốc tế được phân loại theo lĩnh vực tương tác còn được gọi là hệ thống chức năng.

Theo cách phân loại này, hệ thống quốc tế thường được chia thành các hệ thống

chức năng như hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, trong từng loại hệ thống chức năng, sự phân chia tiếp cũng khá khác nhau do dựa trên sự kết hợp thêm những tiêu chí khác bên cạnh tiêu chí chung là mức độ tương tác trong lĩnh vực chức năng. Ví dụ, dựa trên tiêu chí kết hợp là chế độ sở hữu kinh tế, có các hệ thống kinh tế như hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa (TBCN) và hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa (XHCN). Tương tự như vậy, dựa trên ý thức hệ, hệ thống chính trị gồm hệ thống chính trị TBCN và hệ thống chính trị XHCN. Ví dụ khác dựa trên tiêu chí kết hợp là chủ nghĩa khu vực kinh tế, có hệ thống kinh tế Tây Âu (EU), Bắc Mỹ (NAFTA) và Đông Á; kết hợp với thương mại hay tài chính, có hệ thống thương mại quốc tế và hệ thống tài chính quốc tế...

Trong một chừng mực nhỏ hơn, cũng có người đưa thêm hệ thống văn hóa-xã hội vào trong nghiên cứu QHQT. Hệ thống này có thể được xác định theo những tương đồng chung về văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ hay cùng nguồn gốc sắc tộc... hoặc được phân loại theo từng tiêu chí riêng rẽ. Tuy nhiên, việc sử dụng hệ thống này không phổ biến lắm trong nghiên cứu QHQT bởi những điểm chung văn hóa-xã hội chưa hẳn đã đem lại tính chỉnh thể cho hệ thống cũng như tương tác văn hóa-xã hội chưa đủ mạnh để có thể tạo ra hệ thống.

Các hệ thống chức năng theo cách phân loại này cũng có thể được coi là những tiểu hệ thống bên trong một hệ thống quốc tế toàn cầu hay khu vực nào đó. Richard W. Mansbach cho rằng tiểu hệ thống là "những tương tác rộng rãi giữa các chủ thể trong một hệ thống lớn hơn về những vấn đề cụ thể" (4). Theo định nghĩa này, các hệ thống kinh tế, chính trị, văn hóa... là những tiểu hệ thống của hệ thống quốc tế đa diện vốn gồm nhiều lĩnh vực tương tác.

Ưu điểm của cách phân loại này là giúp thấy được cơ sở và lĩnh vực liên kết chủ yếu giữa các phần tử để tạo thành hệ thống quốc tế. Nó cũng giúp thấy được chức năng của hệ thống để từ đó đoán định được phần nào phản ứng của hệ thống đối với các phần tử và quan hệ giữa chúng. Cách phân loại này cũng giúp tìm hiểu sự vận động của QHQT trong từng lĩnh vực cụ thể.

Tuy nhiên, cách phân loại này cũng có ít nhất hai nhược điểm. *Thứ nhất*, sự quá tập trung vào một lĩnh vực hoạt động chức năng của hệ thống dễ dẫn đến cái nhìn phiến diện khi không phản ánh được tính đa diện của hệ thống cũng như tương tác trong hệ thống. Hệ thống quốc tế thường là đa lĩnh vực và các lĩnh vực này đều quan trọng như nhau. *Thứ hai*, sự phân loại này cũng khó giúp thấy đầy đủ nguyên nhân và điều kiện của sự vận động trong hệ thống quốc tế khi thực tế cho thấy, giữa các lĩnh vực thường có sự đan xen và tương tác lẫn nhau khá mạnh mẽ. Thậm chí, nhiều khi sự tương tác trong lĩnh vực này hoàn toàn có thể bị thay đổi bởi những biến động trong những lĩnh vực khác.

3. Dựa vào trạng thái, tính chất

Đây là cách phân loại xuất phát từ mục đích của người nghiên cứu. Cách phân loại này có thể vận dụng dựa trên những tiêu chí khác nhau. Có bốn loại tiêu chí được sử dụng phổ biến là mức độ tương tác giữa các phần tử trong hệ thống, trạng thái quan hệ với bên ngoài, trạng thái ổn định và tính chất chủ yếu của tương tác trong hệ thống.

Cách thứ nhất dựa trên mức độ tương tác mạnh hay yếu, lỏng hay chặt giữa các phần tử trong hệ thống. Theo cách này, có hai loại hệ thống quốc tế chặt và lỏng. Trong hệ thống quốc tế chặt, sự tương tác giữa các phần tử là khá sâu sắc với mức độ phụ thuộc lẫn nhau tương đối lớn. Cơ cấu

của hệ thống cũng chặt chẽ hơn và các luật chơi của hệ thống này cũng có hiệu lực lớn hơn. Đồng thời, hoạt động chức năng hay phản ứng của hệ thống tới các phần tử cũng thường mạnh hơn. Còn trong hệ thống quốc tế lỏng, tất cả các yếu tố trên đều yếu hơn nhiều. Hệ thống XHCN và TBCN trong Chiến tranh lạnh là những ví dụ điển hình của hệ thống chặt. Đối với hệ thống lỏng, hầu hết các hệ thống quốc tế toàn cầu đều là hệ thống lỏng. Trên cấp độ khu vực, ASEAN ở Đông Nam Á cũng là một hệ thống khá lỏng lẻo trong Chiến tranh lạnh nhưng hiện nay mức độ đã giảm bớt tuy vẫn còn lỏng.

Cách thứ hai dựa trên trạng thái quan hệ với bên ngoài nhiều hay ít. Theo cách này, có hai loại là hệ thống quốc tế mở và hệ thống quốc tế đóng. Hệ thống quốc tế mở là hệ thống có quan hệ với bên ngoài nhiều, và thậm chí là có xu hướng mở rộng kết nạp thêm các phần tử mới. Còn hệ thống quốc tế đóng là hệ thống tương đối khép kín, ít quan hệ với bên ngoài và có xu hướng phân biệt đối xử với các phần tử ngoài hệ thống. Bởi tương tác với môi trường bên ngoài nhiều hơn nên hệ thống mở cũng dễ chịu tác động từ ngoài hơn hệ thống đóng. Ví dụ, hầu hết hệ thống kinh tế của các nước đế quốc thành lập cùng với các thuộc địa hoặc đồng minh của mình trước năm 1945 đều là hệ thống đóng trong khi hệ thống kinh tế thế giới cũng như các hệ thống kinh tế khu vực hiện nay đều là hệ thống mở. Hay NATO là một hệ thống quân sự chính trị tương đối đóng trong Chiến tranh lạnh nhưng đã có xu hướng trở thành hệ thống mở hơn sau khi khối Hiệp ước quân sự Warsaw không còn nữa.

Cách thứ ba dựa trên trạng thái ổn định của hệ thống. Theo cách này, có thể phân loại hệ thống quốc tế thành hai loại: Hệ thống quốc tế ổn định hay không ổn định. Hệ thống quốc tế ổn định là hệ thống có sự

ổn định tương đối trong cơ cấu phân bố quyền lực của hệ thống, trong cách thức quan hệ giữa các chủ thể QHQT và trong phương thức tác động của hệ thống quốc tế đối với các chủ thể. Còn hệ thống quốc tế không ổn định thì không được như vậy. Ví dụ, hệ thống quốc tế trong thời kỳ giữa hai cuộc Thế chiến (1919-1939) là không ổn định với những biến động thường xuyên. Trong khi đó, hệ thống quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh lại là tương đối ổn định với những xu hướng vận động khá rõ ràng. Tương tự như vậy, hiện nay, hệ thống khu vực Tây Âu là hệ thống ổn định, còn hệ thống khu vực Trung Đông vẫn tiếp tục không được ổn định.

Cách thứ tư dựa trên tính chất chủ yếu của tương tác trong hệ thống. Theo cách này, hệ thống quốc tế có thể là hệ thống xung đột hay hệ thống hợp tác. Tính chất hợp tác hay xung đột được phản ánh qua mẫu hình tương tác chủ yếu giữa các phần tử và tạo thành xu thế quan hệ chung trong hệ thống quốc tế. Đây là cách phân loại hay được áp dụng để phân kỳ lịch sử QHQT. Ví dụ, hệ thống quân bình quyền lực ở châu Âu thời gian 1815-1914, hệ thống quốc tế trong thời kỳ giữa hai cuộc Thế chiến (1919-1939) và hệ thống quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh đều là hệ thống xung đột. Trong khi đó, hệ thống quốc tế sau Chiến tranh lạnh có vẻ như là một hệ thống hợp tác nhiều hơn khi hợp tác và hội nhập đang là những xu thế lớn, lôi cuốn mọi chủ thể tham gia.

Cách phân loại này có ưu điểm ở chỗ là nêu bật được những đặc điểm hay khả năng nổi bật nào đó của hệ thống quốc tế và điều này là có ích trong nghiên cứu. Tuy nhiên, việc chỉ dựa trên tính chất hay trạng thái nào đó của hệ thống thì không giúp phản ánh được mức độ và quy mô của tương tác cũng như không cho thấy được cơ

cấu vốn là những đặc tính căn bản của hệ thống. Nhược điểm nữa là nó chỉ phản ánh được trạng thái tĩnh mà không làm rõ được trạng thái động của hệ thống trong khi thực tế hệ thống luôn vận động và biến đổi.

4. Dựa vào sự phân bố quyền lực hay cơ cấu quyền lực

Đây là cách phân loại được sử dụng khá phổ biến trong nghiên cứu cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cách phân loại này chịu ảnh hưởng lớn của hệ quy chiếu quyền lực và cách tiếp cận hệ thống của Chủ nghĩa Hiện thực Mới. Theo đó, hệ thống quốc tế được phân loại dựa theo cơ cấu phân bố quyền lực trong hệ thống. Cơ cấu phân bố quyền lực được thể hiện bằng "cực". Cực (*Polarity, Polar*) vốn là một thuật ngữ vật lý và được sử dụng trong QHQT để chỉ những trung tâm quyền lực độc lập trong hệ thống quốc tế. Các trung tâm quyền lực này có thể là quốc gia hoặc liên minh giữa các quốc gia (5). Theo cách phân loại này, có những dạng hệ thống quốc tế sau: Hệ thống đơn cực, hai cực, ba cực và đa cực.

+ Hệ thống đơn cực (*Unipolar system*) là hệ thống quốc tế có một trung tâm quyền lực mà các phần tử khác phải xoay quanh nó (6), tức là phải chịu ảnh hưởng chi phối của nó. Hệ thống đơn cực được biểu hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau như bá chủ, hệ thống đế quốc hay hiện tượng một siêu cường. Trong đó, bá chủ (*Hegemony*) có ưu thế quyền lực vượt trội so các phần tử khác trong hệ thống quốc tế đến mức có thể một mình chi phối các luật lệ cũng như sắp xếp trong QHQT. Ví dụ, vai trò bá chủ của Mỹ và Liên Xô trong từng phe TBCN và XHCN thời kỳ Chiến tranh lạnh. Hệ thống đế quốc có quyền lực gần như tuyệt đối của một nước đế quốc được thể hiện qua sự cai trị hoặc kiểm soát các phần tử khác trong

hệ thống cả về đối ngoại lẫn đối nội. Hệ thống đế quốc tồn tại nhiều trong lịch sử với các đế quốc và hệ thống thuộc địa của nó. Ví dụ, hệ thống đế quốc La Mã thời cổ đại, hệ thống đế quốc Trung Hoa thời trung đại, hệ thống đế quốc Anh và Pháp thời cận đại (7)... Siêu cường cũng là một cường quốc nhưng có quyền lực vượt trội và cả khả năng chi phối các cường quốc khác. Dạng thức này giống hệt bá chủ nhưng được sử dụng trong những điều kiện mới của hệ thống quốc tế thời hiện đại và trên quy mô toàn cầu. Vai trò siêu cường của Mỹ và Liên Xô thời kỳ Chiến tranh lạnh là một ví dụ.

+ Hệ thống hai cực (*Bipolar system*) là hệ thống quốc tế có hai quốc gia hoặc hai khối liên minh lớn có vai trò như những trung tâm quyền lực chi phối các phần tử khác và cả hệ thống quốc tế. Ví dụ lớn nhất trong lịch sử về hệ thống hai cực chính là vai trò của Liên Xô và Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Hai quốc gia này đã tập hợp và đứng đầu hai liên minh đối địch nhau là phe XHCN và phe TBCN. Hai cực và hai phe này đã tạo nên cơ cấu chính trị thế giới khi đó và chi phối hầu hết QHQT. Trước đó, đầu thế kỷ XX cũng tồn tại hệ thống hai cực ở châu Âu là khối Antanta (Anh, Pháp, Nga) và phe Liên minh (Đức, Áo-Hung, Bungari, Thổ Nhĩ Kỳ).

Hệ thống hai cực cũng được phản ánh nhiều trên quy mô khu vực. Trong đó, thường tồn tại hai quốc gia có ảnh hưởng hơn trong khu vực và có sự tranh giành ảnh hưởng khu vực nhất định giữa chúng. Ví dụ, India và Pakistan ở Nam Á, Brazil và Argentina ở Nam Mỹ, Nhật và Trung Quốc ở Đông Á...

+ Hệ thống ba cực (*Tripolar system*) là hệ thống quốc tế có ba trung tâm quyền lực lớn hơn hẳn các phần tử khác. Có người gọi đây là hệ thống chân vạc. Đây là một dạng hệ thống quốc tế hay cơ cấu quyền lực đã

từng hiện diện trong lịch sử. Song so với các hình thái khác, tính ổn định của nó không cao bởi thường có xu hướng hai nước liên minh để chống lại nước kia và dễ chuyển thành hệ thống hai cực. Ví dụ điển hình là tam giác chiến lược Xô-Mỹ-Trung ở châu Á - Thái Bình Dương trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Đầu tiên, những năm 1950, đó là hai cực với Xô-Trung một bên, Mỹ một bên. Sau đó, Trung Quốc tách khỏi Liên Xô và hệ thống ba cực hình thành ở châu Á - Thái Bình Dương trong những năm 1960-1970. Đến cuối thập kỷ 1970, Mỹ và Trung Quốc liên minh với nhau chống lại Liên Xô. Hệ thống ba cực lại bị lắng xuống. Tính ba cực của nó ngăn đến nỗi nhiều người không quan tâm đến hệ thống ba cực và coi nó nằm trong hệ thống hai cực.

Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống ba cực đang được nhiều người quan tâm từ góc độ kinh tế khi cho rằng hệ thống kinh tế thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh sẽ bị chi phối bởi ba trung tâm kinh tế lớn là Bắc Mỹ, EU và Nhật Bản/Đông Á.

+ Hệ thống đa cực (*Multipolar system*) là hệ thống quốc tế có nhiều trung tâm quyền lực. Hệ thống đa cực được xây dựng dựa trên cân bằng quyền lực tương đối giữa các cực. Trong hệ thống này, không có một trung tâm nào quá mạnh để có thể lấn át được các quốc gia khác và làm cho hệ thống quốc tế trở thành đơn cực. Trong hệ thống đa cực, các quốc gia kiềm chế lẫn nhau để ngăn không cho ai đó trở nên mạnh lên, phá vỡ cân bằng quyền lực. Cũng có thể có một quốc gia đóng vai trò "người cân bằng" (*Balancer*) đứng trung lập, sẵn sàng nhảy vào bên yếu để làm cho cán cân quyền lực trở lại cân bằng. Trong hệ thống đó, do xu hướng các quốc gia theo đuổi quyền lực quốc tế nên thường có nguy cơ đe dọa phá vỡ cân bằng cũ và vì thế các quốc gia có thể thay đổi liên minh để tạo ra những cân

bằng mới. Nhưng cũng vì điểm này mà số lượng các cực ở đây được nhiều người (Morton Kaplan, Joshua Goldstein,...) cho rằng phải có từ năm cực trở lên (8). Nếu hệ thống có bốn cực thì dễ bị chuyển thành hai cực bởi sự liên minh giữa các cực nhằm giành ưu thế với nhau.

Cơ cấu quyền lực trong hệ thống đa cực có thể được phản ánh theo chiều ngang bằng hệ thống các cường quốc. Nhưng nó cũng có thể được phản ánh theo chiều dọc qua thứ bậc quyền lực giữa các trung tâm như mô hình Kim tự tháp quyền lực (*Pyramid of Power*). Trong mô hình này, quốc gia mạnh nhất nằm ở đỉnh, kế tiếp là các cường quốc khác. Quốc gia càng mạnh thì càng nằm ở gần đỉnh. Rồi dưới nữa là những quốc gia yếu hơn. Độ dốc của Kim tự tháp phản ánh mức độ so sánh quyền lực cũng như tính chất tương tác giữa chúng. Kim tự tháp càng thấp, sự chênh lệch quyền lực không cao, các quốc gia càng bình đẳng. Kim tự tháp càng dốc, khoảng cách quyền lực càng cách biệt, quan hệ bất bình đẳng càng tăng.

Hệ thống đa cực khá phổ biến trong lịch sử QHQT. Hệ thống đa cực nổi tiếng nhất là hệ thống quân bình quyền lực châu Âu trong khoảng thời gian từ sau Hiệp ước Vienna năm 1815 đến trước Thế chiến I. Hệ thống này có đa trung tâm là Anh, Pháp, Nga, Áo-Hung, Đức, Italy với Anh là người đóng vai trò cân bằng. Nhiều người cũng cho rằng hệ thống quốc tế sau Chiến tranh lạnh sẽ là đa cực bởi sự tồn tại của ba trung tâm kinh tế Bắc Mỹ-EU-Nhật Bản/Đông Á và năm trung tâm chính trị là Mỹ-EU-Nga-Trung Quốc-Nhật Bản.

Theo quan điểm của các nhà Hiện thực chủ nghĩa, cách phân loại dựa trên sự phân bố quyền lực có ưu điểm phản ánh được cơ cấu của hệ thống quốc tế với sự phân tầng theo sức mạnh của các quốc gia thành viên.

Các “cực” cũng là nơi chủ yếu tạo ra các luật lệ trong tương tác giữa các phần tử, là nguồn chính của các phản ứng chức năng từ môi trường bên trong. Sự ổn định của hệ thống cũng phụ thuộc rất nhiều vào các cực và sự tương tác giữa chúng. Tuy nhiên, cách phân loại này cũng chứa đựng những nhược điểm nằm trong nhược điểm chung của Chủ nghĩa Hiện thực như sự tập trung vào quốc gia và chính trị quyền lực mà không tính đến các phần tử khác và những tương tác thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

5. Sự phân chia hệ thống quốc tế của Morton Kaplan

Mô hình của Morton Kaplan khá nổi tiếng bởi nó là một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu tương đối toàn diện về hệ thống quốc tế. Trong chừng mực nào đó, đây cũng là một cách phân loại hệ thống quốc tế. Mô hình này gồm 6 kiểu hệ thống, trong đó 4 mô hình đầu mang tính giả thiết và 2 mô hình sau mang tính tiên nghiệm.

+ Hệ thống phủ quyết: Mọi quốc gia đều có khả năng tự bảo vệ mình và ngăn chặn sự đe dọa bên ngoài sử dụng sức mạnh đối với mình. Trong hệ thống này, mọi quốc gia đều có thể sử dụng các khả năng để ngăn chặn sự đe dọa và đều tích cực chống lại sự đe dọa đó. Trong hệ thống này, vai trò của các tổ chức quốc tế toàn cầu thường là hạn chế. Hệ thống này sẽ trở thành nguy hiểm nếu vũ khí hạt nhân được phổ biến rộng rãi. Ví dụ, đó là hệ thống quốc gia độc lập của châu Âu sau 1648.

+ Hệ thống cân bằng quyền lực: Đây là dạng hệ thống đa cực. Theo Kaplan, hệ thống này cần ít nhất 5 cường quốc vì nếu ít hơn, hệ thống dễ trở thành hai cực. Theo Kaplan, hệ thống này có 6 nguyên tắc tạo nên những hoạt động đặc trưng của hệ thống quốc tế. Một là tăng cường khả năng đàm phán mà không phải đấu tranh. Hai

là đấu tranh chứ không phải là thất bại trong việc tăng cường khả năng. *Ba* là dừng đấu tranh mà không phải loại trừ quốc gia chủ chốt nào đó. *Bốn* là chống lại bất cứ liên minh hay quốc gia nào đó có xu hướng đóng vai trò ưu thế trong hệ thống. *Năm* là kiểm chế những chủ thể tán thành các nguyên tắc của tổ chức siêu quốc gia. *Và sáu* là cho phép các quốc gia chủ chốt bị đánh bại hoặc bị kiểm chế tiếp tục tham gia vào hệ thống quốc tế với một vai trò tương đối hoặc đưa một số quốc gia không phải là chủ chốt nay trở thành chủ thể quan trọng hơn. Ví dụ, đó là Hệ thống quân bình quyền lực ở châu Âu trước Thế chiến I.

+ Hệ thống hai cực linh hoạt (hay mềm dẻo): Trong hệ thống này có quốc gia, các chủ thể mới như liên minh và các chủ thể mang tính toàn cầu như tổ chức quốc tế. Tính linh hoạt ở đây thể hiện ở chỗ có nhiều phương án của hệ thống hai cực. Cơ sở của nó phụ thuộc vào tổ chức bên trong từng khối. Khối có thể đẳng cấp hóa mạnh mẽ và có tính độc đoán khi người đứng đầu ràng buộc được các đồng minh. Khi đó, hệ thống sẽ biến đổi sang hệ thống hai cực chặt chẽ hoặc thành hệ thống thứ bậc. Khối cũng có thể không đẳng cấp hoá hoặc được đẳng cấp hoá có mức độ nếu được hình thành qua con đường tham khảo lẫn nhau giữa các quốc gia tự chủ. Khi đó, hệ thống lại trở thành hệ thống đa cực. Hoặc giả nếu có chiến tranh tổng thể thì sẽ dẫn đến tình trạng vô chính phủ hoặc hệ thống thứ bậc. Tính chất đẳng cấp trong từng khối khác nhau sẽ dẫn đến các phương án khác nhau của hệ thống hai cực này. Ví dụ, đó là hệ thống quốc tế giữa hai cuộc Thế chiến với quá trình tồn tại hai phe đồng minh và phát xít.

+ Hệ thống hai cực chặt chẽ (hay cứng rắn): Khác với hệ thống trên, hệ thống này được hình thành bằng trật tự đẳng cấp mạnh mẽ. Trong hệ thống này, mức độ chặt

chẽ đến mức không có các quốc gia trung lập hay đứng ngoài như trong hệ thống hai cực linh hoạt. các chủ thể có tính toàn cầu ở đây cũng chỉ đóng vai trò hạn chế và ít có ảnh hưởng lên khối này hay khối kia.

Bình luận về hệ thống này, nhiều học giả cho rằng đây là hệ thống rất dễ gây ra tình trạng bất ổn định bởi mâu thuẫn sâu sắc, sự biến động liên tục trong lực lượng hai bên làm cho cân bằng dễ thay đổi và sự đấu tranh thường xuyên giữa hai cực. Ví dụ, đó là hệ thống hai cực thời kỳ Chiến tranh lạnh. Trong những năm 1950, hệ thống này được coi là chặt chẽ nhưng đã được coi là lỏng sau sự tách rời của Trung Quốc và Pháp.

+ Hệ thống toàn cầu: Hệ thống này có thể có được khi các tổ chức toàn cầu thực hiện được các chức năng của mình một cách hiệu quả. Trong hệ thống này, các chủ thể toàn cầu có vai trò nổi trội và có nhiều quyền của quốc gia như xác định quy chế quốc gia và phân chia nguồn lợi cho chúng. Chúng cũng đề ra những quy định cho QHQT và có trách nhiệm theo dõi việc thực thi. Hệ thống này được xây dựng trên sự nhất nguyên trong môi trường chính trị quốc tế và trên cơ sở có sự đoàn kết giữa các chủ thể quốc gia và toàn cầu. Các xung đột quốc tế sẽ được giải quyết theo các nguyên tắc chính trị của hệ thống.

+ Hệ thống có thứ bậc: Hệ thống này có thể được hiểu là một hệ thống chính trị chung cho toàn thế giới. Trong đó, vai trò của các tổ chức quốc tế chung là lớn hơn quốc gia, quốc gia-dân tộc mất đi ý nghĩa của nó và có thể trở thành những đơn vị lãnh thổ đơn thuần. Hệ thống này có tính liên kết cao đến mức có khả năng ngăn chặn khuynh hướng rút lui ra khỏi hệ thống và sự quay trở lại của quốc gia-dân tộc. Hệ thống thứ bậc có thể là dân chủ khi các nước đều mong muốn củng cố và phát triển hệ thống quốc tế. Hệ thống thứ bậc

cũng có thể là độc tài khi cường quốc hoặc một khối quốc gia nào đó áp đặt hệ thống đó lên các quốc gia khác (9).

Cách phân loại hệ thống quốc tế của Kaplan cũng phần nào dựa trên cơ cấu phân bố quyền lực. Trong chừng mực nào đó, Kaplan đã cố gắng dựa trên lịch sử để khái quát thành các mô hình có tính giả thiết cũng như đề ra những phương án dự báo cho tương lai. Kaplan cũng phân tích về khả năng tương tác giữa các chủ thể bên trong từng mô hình. Tuy nhiên, cách phân loại này cũng có những nhược điểm là thiên về quyền lực, các cường quốc và sự xung đột như những đặc trưng của hệ thống quốc tế.

Như vậy, hệ thống quốc tế với tư cách là một công cụ lý luận đã có nhiều cách phân loại khác nhau. Mỗi cách đều có những ưu khuyết điểm nhất định và cho đến nay vẫn chưa có cách phân loại nào có tính tổng hợp. Tuy nhiên, tất cả các cách phân loại giới thiệu ở trên đều có khả năng vận dụng

vào trong nghiên cứu lịch sử QHQT. Việc áp dụng chúng vào nghiên cứu lịch sử QHQT có thể giúp ích phần nào trong việc tìm hiểu sự vận động của QHQT trong lịch sử bởi hệ thống quốc tế vừa là sự phản ánh, vừa là kết quả của quá trình phát triển QHQT. Sự vận động này có thể là sự mở rộng không gian tác động và ảnh hưởng của hệ thống quốc tế, có thể là sự phát triển lĩnh vực và mức độ tương tác cũng như mối quan hệ giữa chúng bên trong hệ thống, có thể là sự biến đổi trạng thái và tính chất của chính hệ thống, có thể là sự thay đổi cơ cấu phân bố quyền lực và tác động của nó tới QHQT... Chúng cũng có thể được áp dụng để phân kỳ lịch sử QHQT khi giúp thấy được những đặc điểm riêng của từng thời kỳ. Không những thế, với tư cách là một phương pháp, hệ thống quốc tế còn là một công cụ lý luận giúp tìm hiểu thêm những yếu tố tác động tới QHQT cũng như có thể dự báo sự vận động này.

CHÚ THÍCH

(1), (2). André I.A. Tsugankov (1996), *Mezdunarodnue Otnoshenhja*, Nauka, Moskva, tr. 135 (bản tiếng Nga).

(3). Xin tham khảo thêm Hoàng Khắc Nam, *Sự phân định khu vực trong nghiên cứu quốc tế*, Tạp chí *Khoa học*, chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn, tập 23, số 2, 2007, tr. 77-86.

(4). Richard W. Mansbach (1997), *Global Puzzle: issues and Actors in World Politics*, Houghton Mifflin Company, Boston and New York, p. 142.

(5), (6), (8). Joshua S. Goldstein (1999), *International Relations*, Longman, New York, pp. 84-85, 85, 85.

(7). Cũng có ý kiến cho rằng hệ thống đế quốc không phải là hệ thống quốc tế bởi các nước thuộc địa mất độc lập nên không phải là chủ thể QHQT.

(9). Morton Kaplan, "Some Problems of International System Research" trong John A. Vasquez, *Classics of International Relations*, Prentice Hall, New Jersey, 1996, p. 297-302.